

442. Chuyện Bà La Môn Sankha (Tiền thân Sankha)

La-môn Tôn-giả, bậc uyên thâm ...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể ở Kỳ Viên về tứ sự cúng dường.

Chuyện kể rằng ở thành Xá-vệ, có một nam cư sĩ, sau khi nghe đức Như Lai thuyết Pháp, tâm rất hoan hỷ nên đã mời chư tăng vào ngày hôm sau. Tại cửa nhà, ông dựng lên một cái rạp trang hoàng long lẫy, rồi đi thưa trình rằng đã đến giờ. Bậc Đạo Sư đến nơi với năm trăm vị Tỷ-kheo theo hầu, và ngồi trên bảo tọa long lẫy dành cho ngài. Vị cư sĩ, sau khi đã dâng cúng các lễ vật sang trọng lên hội chúng Tỷ-kheo với đức Phật là thượng thủ, lại mời tăng chúng ngày mai; và cứ thế, trong bảy ngày liền, vị này mời Tăng chúng đến cúng dường, và vào ngày thứ bảy lại cúng dường những vật dụng cần thiết. Trong buổi cúng dường này, ông tặng các đôi hài làm lễ vật đặc biệt. Đôi hài dâng lên đức Phật trị giá một ngàn đồng vàng. Hai đôi hài cúng hai vị Đại đệ tử (Xá-lợi phất và Mục -kiền-liên) trị giá năm trăm, còn những đôi trị giá hơn một trăm đồng dành cho các vị Tỷ-kheo khác.

Sau khi dâng cúng lễ vật đủ các thứ cần thiết cho chư Tăng, ông ngồi xuống trước đức Thế Tôn cùng với hội chúng của Ngài. Sau đó bậc Đạo Sư đáp lời tùy hỷ công đức bằng một giọng vô cùng êm dịu:

- Nay gia chủ, thí vật của ông thật hào phóng biết bao, ông hãy hoan hỷ. Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã có những người nhờ cúng dường một đôi hài lên một vị Độc Giác Phật mà kết quả việc bố thí đó là tìm được chỗ an trú trên biển cả không có nơi an trú; và nay ông vừa cúng dường cho toàn thể hội chúng của đức Phật mọi vật dụng cần thiết cho mỗi Tỷ-kheo, thì công đức biết bao, nếu không phải là lễ dâng hài này sẽ làm nơi an trú cho ông về sau?

Và theo lời thỉnh cầu của ông. Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, thành Ba-la-nại có tên là Molinì. Trong khi vua Brahamadatta trị vì ở Molinì, một người Bà-la-môn tên là Sankha giàu có lớn, đã xây bố thí trường ở sáu chỗ, một ở mỗi cổng thành, một ở giữa thành và một ở cửa nhà ông. Hằng ngày ông bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền và cho các kẻ lữ hành cùng kẻ ăn xin rất rộng rãi.

Một ngày kia ông suy nghĩ: "Một khi kho của cải hết, ta không còn gì để bố thí nữa. Vậy trong lúc kho chưa cạn, ta muốn lấy con tàu đi đến xứ Vàng và sẽ mang của cải về". Thế là ông bảo đóng tàu, chất đầy hàng hóa và khi từ biệt vợ con, ông bảo:

- Bà và con hãy lo bố thí không ngừng cho đến khi ta trở về.

Nói xong, ông cầm lấy dù, mang giày cùng gia nhân hướng mặt về hải cảng, rồi đứng ngọ ông khởi hành.

Vào lúc ấy một vị Độc Giác Phật trên đỉnh núi Gandhamàdana (Hương Sơn), đang nhập định, thấy vị kia lên đường tìm kiếm vàng liền suy nghĩ: "Một bậc Đại sĩ đang vượt biển để tìm vàng. Có gặp

gì trên biển cả gây trở ngại cho vị này chăng? Rồi sẽ có. Nếu ông thấy ta, sẽ dâng ta đôi giày và chiếc dù. và kết quả việc đi cúng dường này là ông sẽ tìm được nơi an trú khi tàu đắm trên biển. ta muốn giúp đỡ ông."

Vì thế bay qua không gian, Ngài hạ xuống, không xa chỗ kẻ lữ hành kia, rồi tiến đến gặp ông, dẫm chân trên cát nóng, nóng như thể một đồng tro đang cháy bỏng trong luồng gió dữ dội và ánh mặt trời gay gắt. Vị Bà-la-môn nghĩ thầm: "Đây là cơ hội để tạo công đức, ta phải gieo một hạt giống ngày hôm nay tại chốn này". Lòng vô cùng hoan hỷ, ông vội vã đi đến đánh lễ Ngài:

- Thưa Tôn-giả, - ông nói - xin Tôn giả vui lòng ra khỏi con đường này trong chốc lát, đến dưới gốc cây kia.

Sau đó, khi đến chỗ ngồi gốc cây, ông lau phải hết cát cho Ngài, rồi trải thương y ra mời Ngài ngồi xuống, với nước sạch thơm ngát, ông rửa chân Ngài, xoa dầu thơm ngào ngạt, và từ chân của chính mình, ông rút ra đôi hài lau sạch, xoa dầu thơm xong, mang vào cho Ngài, cúng dường Ngài đôi hài cùng với chiếc dù, xin Ngài mang hài và che dù trên đầu Ngài khi ngài lên đường. Vị Độc Giác Phật muốn làm ông vui lòng nên nhận lễ vật, và trong khi vị Bà-la-môn chiêm ngưỡng Ngài để tăng trưởng tín tâm, Ngài bay lên về lại núi Gandhàdana.

Còn Bồ-tát với tâm đầy hoan hỷ, tiến ra hải cảng và lên thuyền.

Khi ra đến đại dương vào ngày thứ bảy, con thuyền nứt ra và họ không thể tát hết nước được. Tất cả mọi người lo sợ cho mạng sống mình, đồng thanh kêu gào, mỗi người kêu cầu một vị thần linh riêng của mình. Bậc Đại Sĩ, chọn một người hầu, xoa dầu khắp mình mẩy, ăn một đồng đường mịn hòa với bơ tươi cho thỏa thích, cho kẻ kia cùng ăn, rồi ngài leo lên cột buồm. Ngài bảo:

- Về hướng kia là kinh thành của ta.

Vừa chỉ tay về hướng ấy, vừa gạt bỏ nỗi sợ hãi về các loài rùa, cá, ngài lặn mát cùng với gã gia nhân một khoảng xa chừng một trăm năm mươi cubit (1 cubit = 45cm). Đám người kia chết đuối cả, còn bậc Đại Sĩ cùng gã gia nhân bắt đầu tiến lên trên biển cả. Trong bảy ngày liền, ngài tiếp tục bơi. Ngay cả giờ phút ấy, ngài vẫn giữ trọn ngày trai giới, súc miệng với nước mặn.

Lúc bảy giờ một nữ thần tên là Mani-Mekkhala, nghĩa là Ngọc Đới, đã được lệnh của Tứ Thiên vương: "Nếu gặp tàu chìm, và tai họa xảy đến cho người đã quy y Tam Bảo, hoặc đầy đủ giới đức, hoặc phụng thờ cha mẹ, thì nàng phải lo cứu độ". Và để bảo vệ cho các người như vậy, nữ thần an trú trên mặt biển. Nhờ thần lực của bà, bà không cần canh phòng trong suốt bảy ngày ấy, song đến ngày thứ bảy, nhìn lướt trên mặt biển, bà thấy vị Bà-la-môn Sankha đức độ kia, nên suy nghĩ: "Kẻ đàng kia đã bị rớt xuống biển, đến nay là ngày thứ bảy rồi, nếu ông chết đi thì ta mắc phải tội nặng lắm."

Vì thế sinh lòng lo lắng, bà vội đổ vào chiếc đĩa bằng vàng đầy đủ mọi thức ăn thiên giới, phi nhanh như gió đến phía ngài, rồi dừng lại trước mặt ngài trên không và bảo:

- Nay Bà-la-môn, ngài không ăn gì đã bảy ngày rồi, vậy ăn thức này đi.

Vị Bà-la-môn nhìn bà đáp:

- Cát thức ăn của nàng đi, ta đang giữ giới kiêng ăn.

Kẻ gia nhân của ngài không thấy nữ thần, mà chỉ nghe âm thanh nên nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này nói lắm nhảm, ta chắc vì cơ thể ngài yếu đuối lại nhìn đói đã bảy ngày nên đang đau đớn và sợ chết, ta muốn an ủi ngài." Và gã liền ngâm vần kệ đầu:

*1. La-môn Tôn giả, bậc uyên thâm,
Tôn giả vốn đầy đủ thánh tâm,
Đồ đệ Thánh sư, sao lại phải
Hoài tâm vô có nói lầm bầm,
Trong khi chẳng có ai đây cả
Đối đáp ngoài tôi, lúc luận đàm?*

Vị Ba-la-môn nghe gã, biết rằng gã không thấy vị thần kia, nên bảo:

- Nay hiền hữu, không phải ta sợ chết đâu, song đang có một vị khác ở đây để đàm đạo với ta đó.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

*2. Xuất hiện Thiên thần rực ánh quang,
Tặng ta tiên phạn để ta ăn,
Cao sang trên đĩa vàng bày sẵn
Ta đáp nàng "không" dạ lạc hoan.*

Sau đó gã ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Nếu như người thấy một Thiên thần,
Người hãy yêu cầu một đặc ân
Xin đứng chấp tay van vị ấy,
Cho hay Thiên nữ hoặc phạm nhân?*

- Bạn nói phải lắm - vị Bà-la-môn bảo.

Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Nương tử nhìn ta vẻ thiết thân,
Bảo ta: "Cần lấy thức này ăn",
Hỏi nàng cao cả đầy uy lực,
Là nữ nhi hay một nữ thần?*

Vị nữ thần lập tức ngâm hai vần kệ:

*5. Ta, nữ thần uy lực đại cường,
Nơi này vội đến giữa trùng dương,
Tràn đầy từ mãn, tâm hoan hỷ,
Vì cứu ngài trong bước cuối đường.*

6. Nhìn đây thực phẩm, chón an lành,
Nhiều loại cỗ xe, đủ dáng hình,
Cho ngài làm chủ quyền tất cả,
Những gì ao ước tự tìm mình.

Khi vừa nghe vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ đắn đo: "Đây là nữ thần giữa đại dương - ngài tự nhủ - bà tặng ta vật này vật nọ. Có gì bà lại muốn đem tặng chúng cho ta? Có phải vì một công đức nào đó của ta hay do quyền lực riêng của bà mà bà làm như thế? Được, ta sẽ hỏi." Và ngài chất vấn điều này qua văn kệ thứ bảy:

7. Thừa, vậy tiên nương chính nữ hoàng,
Nắm quyền bao lễ vật nàng ban,
Mỹ nương yếu điệu, mà thanh tú,
Nghiep quả nào ta tạo đấy chăng?

Vị nữ thần nghe ngài hỏi, nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này đã hỏi thế, chắc vì ngài tưởng ta không biết ngài đã làm việc lành nào. Ta muốn nói ngay cho ngài rõ". Vì vậy bà đáp ngài qua văn kệ thứ tám:

8. Trên đường nóng bỏng kẻ đơn thân,
Khát nước, mệt nhừ, lại nhứt chân,
Ngài đã dừng, mang tài vật cúng,
Ngày nay lễ ấy được hồng ân.

Lúc bậc Đại Sĩ nghe thế, ngài nghĩ thầm: "Ô kìa giữa đại dương khó vượt qua này, việc cúng dường đôi hài trở thành một đại phước báo cho ta. Ôi việc dâng lễ vật lên một vị Độc Giác Phật thật tốt lành thay!" Rồi trong niềm đại hân hoan, ngài ngâm kệ thứ chín:

9. Xin chiếc thuyền bằng ván khéo xây,
Thuận buồm xuôi gió, chạy như bay,
Mà không thấm nước trên đường biển
Không thể dùng xe cộ chón đây,
Xin chở ta về Mo-lí gấp,
Làm sao vừa kịp đúng hôm nay.

Nữ thần rất đẹp ý khi nghe những lời này, liền làm phép cho chiếc thuyền hiện ra, được làm bằng bảy báu vật, chiều dài tám trăm cubit (1 cubit = 45cm), chiều rộng sáu trăm cubit, chiều sâu hai mươi sải (sải= 1,82m). Có ba cột buồm bằng ngọc bích, dây buộc bằng vàng, cánh buồm bằng bạc, các mái chèo và bánh lái đều bằng vàng ròng cả. Trong thuyền, vị nữ thần chất đầy bảy báu vật, rồi ôm lấy vị Bà-la-môn đưa lên chiếc thuyền huy hoàng kia. Bà không chú ý đến gã hầu cận, song vị Bà-la-môn vẫn chia phần cho gã hưởng phước lành. Gã sung sướng quá và nữ thần kia cũng ôm gã đặt lên thuyền nữa. Liền đó bà đưa thuyền đến kinh thành Molini và sau khi đã chất đầy châu báu vào kho nhà vị Bà-la-môn, bà trở về nơi an trú mình.

*

Bậc Đạo Sư với Trí tuệ Tối thắng, đã ngâm văn kệ cuối cùng:

10. Thân nữ hân hoan, hạnh phúc tràn,
Làm cho xuất hiện, chiếc thuyền thân,
Dem San-kha với người hầu cận
Về đến kinh đô đẹp tuyệt trần.

Còn vị Ba-la-môn suốt đời ở nhà bố thí thật rộng rãi không ngừng và giữ giới hạnh, nên khi mạng chung ngài cùng các gia nhân đi lên cộng trú với chư Thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị cư sĩ ấy chứng đắc Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời áy Uppalavanna (Liên Hoa sắc) là nữ thần, Ananda là người hầu, và Bà-la-môn Sankha chính là Ta.

-ooOoo-

443. Chuyện Trí Giả Tiểu Bồ Đề (Tiền thân Culla-Bodhi)

Ví thử người ta bắt quý nương...,

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một người tính hay nóng giận.

Người này, sau khi đã xuất gia, tu tập, hành trì Giáo pháp đưa đến giải thoát, an lạc trọn vẹn, lại không thể chế ngự cơn giận của mình. Ông lòng đầy bực tức, hiềm hận; song lại ít nói nên khi phần nô, bị lôi cuốn vào cơn nóng giận, ông trở nên gay gắt chua cay và khó dạy bảo. Khi nghe nói đến tính hay nóng giận của ông, bậc Đạo Sư cho gọi ông vào và hỏi có thật là ông hay nổi giận như lời đồn chãng. Vị này đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,

Bậc Đạo Sư bảo:

- Nay Tỷ-kheo, tính nóng giận phải được chế ngự, vì một kẻ hành ác hạnh như vậy không thể nào có nơi an trú được dù trong đời này hoặc đời sau. Tại sao sau khi tu tập pháp môn giải thoát của đức Phật tối thượng không có lòng sân giận, có gì ông lại tự mình tỏ ra hay phần nô? Các bậc trí nhân ngày xưa, ngay cả những vị hành trì giáo pháp khác với chúng ta cũng đã kèm chế được lòng phần nô.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata lên ngôi ở Ba-la-nại, trong một thị trấn ở xứ Kàsi có một vị Bà-la-môn rất giàu vàng bạc, gia sản đồ sộ song lại không có con, nên bà vợ cầu mong con trai. Vào thời ấy Bồ-tát từ cõi Phạm thiên đi xuống trần, nhập mẫu thai của bà, rồi vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn cho ngài cái tên Bodhi-Kumàra hay là Nam tử Trí Tuệ. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đi đến Takkasilà, nghiên cứu đủ các môn học thuật, và sau khi về nhà, dù ngài không muốn, cha mẹ ngài vẫn đi cưới một thiếu nữ về làm vợ ngài, từ một gia đình cùng chung giai cấp với ngài. Nàng ấy cũng xuống cõi trần từ Phạm thiên giới, có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào một vị tiên nữ. Cả hai vị trở thành vợ chồng, song cả hai chẳng ai mong muốn chuyện đó cả. Chẳng bao giờ có ai phạm vào dâm dục, cũng chẳng kẻ nào liếc mắt nhìn kẻ kia một cách say đắm, ngay cả trong giấc ngủ, hai vị cũng không hề bao giờ có hành động tương tự, cả hai vị đều sống thanh tịnh như thế.

Sau một thời gian, khi song thân đều mất cả, ngài lo việc tang lễ cho thi hài cha mẹ chu đáo. Bậc Đại Sĩ gọi vợ đến, bảo nàng:

- Nay quý nương, nàng hãy giữ lấy gia sản tám trăm triệu đồng này và sống đời hạnh phúc.
- Không phải vậy đâu, mà đó là phần của phu quân.

Ngài bảo:

- Ta không cần vàng bạc, ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ và tìm nơi cư trú ở đó.
- Vậy thưa phu quân tôn quý, chỉ nam giới mới được xuất gia tu hành thôi chẳng?

Ngài đáp:

- Không phải vậy, nữ giới cũng được.
- Vậy thì thiếp, cũng không muốn nhận lấy thứ chàng đã phun khỏi miệng, vì thiếp cũng không ham thích vàng bạc gì hơn chàng, thiếp cũng muốn thành ẩn sĩ như chàng.
- Nay quý nương, tốt lành thay!

Rồi hai vị đem phân phát bố thí phần lớn tài sản và xuất gia. Đến một vùng đất an lạc dựng am thất ẩn sĩ, các ngài sống bằng trái cây rừng mà các ngài kiếm được, và cứ sống như vậy mười năm tròn, song vẫn chưa chứng đắc Thiên định của bậc Thánh.

Thế là sau một thời gian sống tại đó, hưởng hạnh phúc của cuộc đời ẩn dật suốt mười năm liền, các ngài ra đi ngang qua vùng quê để tìm muối và đồ gia vị, và thuận đường đến Ba-la-nại liền vào trú chân trong vườn ngự uyển.

Bấy giờ, một ngày kia vua thấy người giữ ngự viên đến dâng một món quà trong tay, ngài phán:

- Trẫm muốn liên hoan trong ngự viên, vậy hãy sắp xếp cho chỉnh tề.

Và khi hoa viên đã được dọn dẹp sạch sẽ sẵn sàng, vua ngự vào đó cùng đám cận thần hộ tống đông đảo.

Lúc đó cả hai vị ở trên một chỗ trong ngự viên, an hưởng lạc thú của cuộc sống tu hành. Còn vua khi đi ngang qua ngự viên, thấy hai vị ngồi đó; và khi mắt ngài chợt bắt gặp vị nữ nhân diễm lệ khả ái kia, ngài say mê ngay. Lòng ngài rung động vì khát vọng dục tình, ngài quyết định hỏi nàng có liên hệ gì đối với ả sĩ kia; nên khi đi đến gần Bồ-tát, vua hỏi ngay câu ấy. Bồ-tát đáp:

- Tâu đại vương, nay nàng ấy chẳng có liên hệ gì đối với ta cả; nàng chỉ cùng chung đời sống tu hành với ta thôi, song trước kia ta còn sống ở chốn trần tục, thì nàng ấy đã là vợ ta.

Nghe vậy, vua thầm nghĩ: "Nhu vậy, vị này bảo nữ nhân kia chẳng là gì đối với ông cả, song khi còn sống đời thế tục, nàng ấy đã là vợ ông. Được rồi, nếu ta dùng vương quyền bắt lấy nàng thì ông làm gì được? Cho nên ta muốn chiếm nàng". Và vua vừa đến gần vừa ngâm vần kệ:

*1. Vị thử người ta bắt quý nương,
Mắt tròn, và cướp khỏi Tôn ông,
Người yêu ngồi đó đang cười nụ,
Ngài sẽ làm gì, hỡi Đạo nhân?*

Bậc Đại Sĩ ngâm vần kệ thứ hai để đáp câu hỏi này:

*2. Khi đã khởi lên, nó chẳng rời
Chẳng bao giờ nữa, suốt đời tôi,
Nhu cơn mưa lắng dần tro bụi,
Dập tắt nó thời mới nhú thôi.*

Bậc Đại Sĩ trả lời như vậy, lớn tiếng như sư tử hồng. Song nhà vua dù đã nghe thế, vẫn không thể nào chế ngự được cơn tim say đắm của mình, do nổi si mê mù quáng, liền ra lệnh cho vị cận thần phải bắt nàng kia vào cung.

Vị cận thần tuân lệnh dẫn nàng đi, dù nàng đã thở than khóc lóc rằng làm ác nghiệp phi pháp là thói thường của thế gian, còn Bồ-tát nghe tiếng nàng kêu khóc, ngài chỉ nhìn một lần thôi, không nhìn nữa. Vì thế nàng bị đưa vào cung trong lúc đang kêu gào thê thảm.

Vua xứ Ba-la-nại không còn chần chờ ở ngự viên nữa, mà nhanh chóng trở về cung, triệu nàng đến châu và ban cho nàng nhiều vinh dự cao sang. Song nàng bảo những vinh quang đó chẳng có giá trị cả, và chỉ đời sống độc cư là cao thượng thôi. Vua thấy không thể dùng cách gì để chinh phục được tim nàng, nên truyền giữ nàng trong một phòng biệt lập và bắt đầu suy nghĩ: "Đây là một người đàn bà khổ hạnh không màng mọi thứ vinh quang này, và vị ả sĩ cũng không hề tỏ ra giận dữ khi người hầu bắt đi một nữ nhân tuyệt mỹ như vậy. Song những ả sĩ thường có mưu sâu lắm; chắc chắn ông đang lập mưu để hại ta. Được rồi, ta muốn trở lại gặp ông và tìm hiểu tại sao ông vẫn ngồi đó." Và thế là không thể ngồi yên được, vua đi vào ngự viên.

Lúc ấy Bồ-tát đang ngồi vá chiếc y. Vua chỉ đi một mình nên đến tận nơi, bước nhẹ nhàng không gây tiếng động. Bồ-tát vẫn tiếp tục vá áo, chẳng nhìn đến vua. Vua nghĩ: "Người này chẳng muốn nói gì với ta vì đang tức giận đấy. Kẻ khổ hạnh này đúng là gã bịp bợm, trước tiên thét lớn: "ta không muốn để lòng căm hận khởi lên chút nào, song nếu nó khởi lên, ta quyết dập tắt nó ngay lúc còn nhỏ nhoi", rồi sau đó lòng căm phẫn cứ đeo đẳng dằng dai nên gã không muốn nói chuyện với ta đó!". Với ý nghĩ này, vua ngâm vần kệ thứ ba:

3. Ngài lớn tiếng khoe hay,
Chừng một lát trước đây,
Nay lặng thinh vì giận
Ngài ngồi đó vá may.

Khi bậc Đại Sĩ nghe thế, ngài hiểu vua tướng ngài im lặng vì tức giận, nên muốn tỏ ra là ngài không hề bị lòng phần nộ chi phối, ngài ngâm vãn kệ thứ tư:

4. Hễ lúc nào sinh khởi nó rồi,
Chẳng bao giờ nó chịu rời tôi,
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Tôi dập nó thoir mới nhỏ nhoi.

Khi nghe những lời này, vua suy nghĩ: "Có phải người này nói đến lòng sân hận hay điều gì khác nữa? Ta muốn hỏi ông cho rõ". Rồi vua ngâm vãn kệ thứ năm:

5. Gì đó mà không thể bỏ ngài,
Chẳng bao giờ hết, suốt trong đời?
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Ngài dập tắt gì lúc nhỏ nhoi?

Vị kia đáp:

- Thưa Đại vương, như thế nổi sân hận thường đem lại nhiều đau khổ, nhiều tai hại, tàn khốc; nó chỉ vừa khởi lên trong ta, song nhờ nuôi dưỡng lòng từ mẫn, ta đã dập tắt được nó.

Rồi ngài ngâm các vãn kệ sau để thuyết giảng về nỗi khổ đau vì hiềm hận:

6. Con người không nó, thấy mình quang,
Có nó, mù đui trước nẻo đường,
Nó khởi trong ta không thoát được,
Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.

7. Điều gì làm thích thú cừ nhân,
Kẻ muốn tâm ta phải khổ buồn,
Phát khởi trong ta không thoát được,
Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.

8. Cái điều, nếu nổi dậy trong mình.
Che khuất người ta trước hạnh lành,
Đã phát trong ta không thoát được,
Căm hờn, nuôi dưỡng bởi vô minh.

9. Điều làm tôn phước đức vô song,
Khiến kẻ bị lừa bỏ lập công,
Mãnh liệt, phá tan, đây khủng khiếp,
Không rời ta nữa, ấy là sân.

10. Ngọn lửa lên cao, sẽ lớn hơn,
Nếu mỗi nhiên liệu được khơi tròn,
Bởi vì ngọn lửa lên cao mãi,
Nhiên liệu tự mình phải cháy luôn.

11. Cũng vậy trong tâm trí kẻ đần,
Người không có thể nhận chân ra rằng
Phát sinh phần nộ từ tranh cãi
Bởi vậy thanh danh phải bại tàn.

12. Phần nộ nào tặng tựa lửa hừng
Với mỗi than củi cháy bùng bùng,
Như trăng nửa tháng đêm trời tối,
Đức hạnh tiêu hao, hủy hoại dần.

13. Người nào chế ngự được lòng sân,
Như lửa mà không có củi than,
Như trăng nửa tháng trời dần sáng,
Công đức người kia cứ mãi tăng.

Khi vua đã nghe bậc Đại Sĩ thuyết Pháp xong, lòng rất hoan hỷ, nên ra lệnh cho một cận thần đi dẫn người đàn bà đến, và mời vị ả sĩ vô sân kia cùng ở lại với nàng trong ngự viên để an hưởng lạc thú của cuộc sống độc cư và vua hứa sẽ chăm sóc bảo vệ cho hai vị như bốn phận của mình. Sau đó nhà vua xin hai vị tha thứ lỗi lầm và kính cẩn từ tạ ra về. Thế là hai vị ấy ở lại đó.

Dần dần về sau, người đàn bà ấy từ trần và sau khi nàng qua đời, vị ả sĩ trở về vùng Tuyết Sơn, tu tập các Thắng trí và các Thiền chứng, làm cho Tứ Vô lượng tâm (bốn Phạm trú: Từ, Bi, Hỷ, Xả) sinh khởi trong lòng, nên ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo hay sân hận kia đã được an trú vào Tam quả (Bát Lai).

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, mẫu thân của Ràhula (La-hầu-la) là nữ ả sĩ ấy. Ananda là vua kia và vị ả sĩ chính là Ta.

-ooOoo-